TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2024/DS-ST
Ngày: 15 - 4 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hồng Hải

2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Chung Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Mai L, sinh năm: 1971

Địa chỉ: 168/63, 168/65 Đường D (tên đường mới: Nguyễn Gia T), Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hoàng Quỳnh A, sinh năm: 1984

Địa chỉ: 4.07 (Tầng E) chung cư A B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm: 1971

Địa chỉ: 168/63, 168/65 Đường D (tên đường mới: Nguyễn Gia T), Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Mai L; trú tại: 1, 1 đường N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là

người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hồng S (Văn bản ủy quyền, số công chứng: 3700 lập tại Văn phòng C ngày 07 tháng 11 năm 2023) có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2023 và ngày 08 tháng 6 năm 2023, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Huỳnh Mai L trình bày: Trước đây bà Huỳnh Mai L (Bên tham gia góp vốn) và ông Hoàng Quỳnh A (Bên nhận góp vốn) có ký kết 02 Hợp đồng góp vốn, cụ thể:

- Hợp đồng góp vốn ngày 24-6-2022: Theo đó bà Huỳnh Mai L (Bên B) góp vốn cho ông Hoàng Quỳnh A (Bên A) số tiền 1.000.000.000 đồng, với mục đích mua quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 258, 259, 260, 261, 262, 263 và 264, tờ bản đồ số 20, tại xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai để phân nền, sau đó chuyển nhượng lại cho người khác để thu lợi nhuận. Hai bên thỏa thuận trong vòng không quá 06 tháng kể từ ngày Bên B góp vốn, Bên A có trách nhiệm hoàn lại với số vốn 1.000.000.000 đồng cộng với lợi nhuận 25% trên số tiền góp vốn của Bên B, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh lời hay lỗ của Bên A. Thực hiện hợp đồng, bà L đã chuyển tiền vào tài khoản 6966666888888 của ông Hoàng Quỳnh A mở tại Ngân hàng TMCP Q 03 lần với số tiền 1.000.000.000 đồng và đã được ông Quỳnh A ký xác nhận đã nhận đủ số tiền nêu trên tại Biên nhận thanh toán ngày 24-6-2022.

- Hợp đồng góp vốn ngày 30-6-2022: Theo đó bà Huỳnh Mai L (Bên B) góp vốn cho ông Hoàng Quỳnh A (Bên A) số tiền 500.000.000 đồng, với mục đích mua quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 258, 259, 260, 261, 262, 263 và 264, tờ bản đồ số 20, tại xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai để phân nền, sau đó chuyển nhượng lại cho người khác để thu lợi nhuận. Thỏa thuận trong vòng không quá 03 tháng kể từ ngày Bên B góp vốn, Bên A có trách nhiệm hoàn lại với số vốn 500.000.000 đồng cộng với lợi nhuận 25% trên số tiền góp vốn của Bên B, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh lời hay lỗ của Bên A. Thực hiện hợp đồng, bà L đã chuyển tiền vào tài khoản 6966666888888 của ông Hoàng Quỳnh A mở tại Ngân hàng TMCP Q 02 lần với số tiền 500.000.000 đồng và đã được ông Quỳnh A ký xác nhận đã nhận đủ số tiền nêu trên tại Biên nhận thanh toán ngày 30-6-2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng góp vốn, ông A mới chỉ thanh toán cho bà L được 03 đợt vào các ngày 10/10/2022, 23/10/2022 và 13/4/2023 với tổng cộng số tiền 410.000.000 đồng, sau đó ngưng thanh toán.

Đến ngày 12/01/2023, bà L và ông A ký Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ. Theo đó, ông A xác nhận còn nợ bà L tổng cộng số tiền 1.200.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và lãi là 100.000.000 đồng. Ông A cam kết thanh toán cả nợ gốc và lãi cho bà L trong thời hạn đến hết ngày 15/3/2023, nhưng cho đến nay ông A vẫn không thực hiện trả số tiền trên như đã cam kết. Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Quỳnh A phải trả cho bà Huỳnh Mai

L số tiền nợ gốc 1.090.000.000 đồng, tiền lãi 100.000.000 đồng như đã cam kết tại Điều 1 Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 12/01/2023 và tiền lãi phát sinh do chậm trả trên nợ gốc từ ngày 16/3/2023 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm.

* Bị đơn ông Hoàng Quỳnh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tự khai để trình bày ý kiến của ông Hoàng Quỳnh A đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và hai lần xét xử nhưng bị đơn đều vắng mặt nên không có lời khai và ý kiến tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Hoàng Quỳnh A phải trả cho bà Huỳnh Mai L số tiền nợ gốc 1.090.000.000 đồng, tiền lãi 100.000.000 đồng theo cam kết tại Điều 1 Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 12-01-2023 và tiền lãi do chậm thanh toán trên số tiền gốc 1.090.000.000 đồng từ ngày 16-3-2023 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Mai L khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Quỳnh A trả tiền nợ góp vốn và lãi theo Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 12-01-2023 đã ký kết. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng góp vốn", căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Hoàng Quỳnh A (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Hoàng Quỳnh A.

[1.3] Việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của đương sự: Theo đơn khởi kiện thì bà Huỳnh Mai L yêu cầu ông Hoàng Quỳnh A trả số tiền nợ gốc 1.090.000.000 đồng, tiền lợi nhuận 350.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả trên nợ gốc. Tuy nhiên, tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với khoản lợi nhuận 350.000.000 đồng, thay vào đó nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 100.000.000 đồng theo thỏa thuận tại Điều 1 Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 12-01-2023. Theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 3 Điều 200, khoản 2 Điều 210 và Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì: *"Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải"*. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.4] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả 1.090.000.000 tiền góp vốn và 100.000.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận tại Điều 1 Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 12-01-2023, thấy rằng: Giữa bà Huỳnh Mai L và ông Hoàng Quỳnh A có ký kết 02 Hợp đồng góp vốn ngày 24-6-2022 và 30-6-2022. Theo đó, bà L góp vốn với tổng cộng số tiền 1.500.000.000 đồng, với mục đích để ông Quỳnh A nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai để phân nền đất, sau đó chuyển nhượng lại cho người khác để hưởng giá chênh lệch. Thực hiện hợp đồng, bà L đã chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông Hoàng Quỳnh A 05 lần với số tiền 1.500.000.000 đồng. Theo bà L thì quá trình thực hiện hợp đồng, ông Quỳnh A mới chỉ thanh toán tiền góp vốn được 03 đợt vào các ngày 10/10/2022, 23/10/2022 và 13/4/2023 với tổng cộng số tiền 410.000.000 đồng, sau đó ngưng thanh toán. Còn bị đơn ông Hoàng Quỳnh A trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai, cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh

ông Quỳnh A đã thanh toán khoản tiền góp vốn và lãi nêu trên cho bà L sau khi các bên ký Biên bản xác nhận nợ ngày 12-01-2023, nên bị đơn phải gánh chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được theo quy định của pháp luật.

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 12-01-2023 thể hiện ông Quỳnh A còn nợ bà L số tiền gốc góp vốn 1.090.000.000 đồng và tiền lãi 100.000.000 đồng, ông Quỳnh A cam kết thanh toán hết khoản nợ trên chậm nhất vào ngày 15/3/2023 nhưng cho đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán, như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền góp vốn và tiền lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả tiền lãi từ ngày 16-3-2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (15-4-2024) của số tiền 1.090.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 12-01-2023, các bên thỏa thuận ông Quỳnh A có trách nhiệm trả bà L số tiền gốc 1.090.000.000 đồng chậm nhất vào ngày 15/3/2023 nhưng cho đến nay bị đơn vẫn chưa trả, như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *''1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này''*, như vậy kể từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn trả nợ, bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 16-3-2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm của số tiền 1.090.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy giữa các bên không có thỏa thuận lãi suất và mức lãi suất bị đơn phải chịu khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền nay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác... 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ''*. Đối chiếu với quy định trên thấy rằng mức lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng) nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật dân sự nên được chấp nhận, cụ thể:

Từ ngày 16-3-2023 đến ngày 15-4-2024 là 12 tháng 30 ngày: 1.090.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng 30 ngày = 117.611.000đ (Một trăm mười bảy triệu sáu trăm mười một nghìn) đồng.

[3] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.307.611.000 đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 51.228.330đ (Năm mươi mốt triệu hai trăm hai mươi tám nghìn ba trăm ba mươi) đồng

Hoàn trả cho bà Huỳnh Mai L số tiền 28.304.760đ (Hai mươi tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm sáu mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2023/0023411 ngày 01 tháng 8 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 166; Điều 351; Điều 357; Điều 468; Điều 504; Điều 506; Điều 507 và Điều 512 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Mai L.

Buộc ông Hoàng Quỳnh A phải trả cho bà Huỳnh Mai L số tiền góp vốn 1.090.000.000 đồng, tiền lãi 100.000.000 đồng (theo thỏa thuận tại Điều 1 Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 12-01-2023) và khoản tiền lãi do chậm trả tiền

là 117.611.000 đồng; tổng cộng là 1.307.611.000đ (Một tỷ ba trăm lẻ bảy triệu sáu trăm mười một nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Quỳnh A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 51.228.330đ (Năm mươi mốt triệu hai trăm hai mươi tám nghìn ba trăm ba mươi) đồng.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Mai L số tiền 28.304.760đ (Hai mươi tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm sáu mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2023/0023411 ngày 01 tháng 8 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính